ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ KHÁNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số:177 /BC-UBND	*Khánh Long, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

BÁO CÁO
Về việc hộ gia đình, cá nhân chưa có đất ở

Thực hiện số 113 /LĐTBXH-DT ngày 26/6/2023 của Phòng lao động thương binh xã hộ - Dân tộc về việc tiếp tục rà soát, lựa chọn các đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nguồn vốn kéo dài năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Khánh Long rà soát những hộ thiếu đất ở, nhà ở như sau:

1. Hộ bà Lý Thị Luyến

- Hộ bà Lý Thị Luyến, địa chỉ thường trú: thôn Khuổi Bây A, xã Khánh Long, có đất trồng cây hàng năm khác (BHK, LUK) diện tích: 2377,8 m^2, đất rừng sản xuất 103412 m^2 đất ở tại nông thôn 0 m^2 (có danh sách các thửa đất kèm theo), đất BHK, LUK, đất rừng sản xuất. Ủy ban nhân dân xã Khánh Long chỉ đạo cán bộ Địa chính rà soát đất của của hộ bà Lý Thị Luyến không nằm trong quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất ở.

2. Hộ ông Triệu Văn Bình có tên khác là Triệu Văn U

- Hộ ông Triệu Văn Bình địa chỉ thường trú: thôn Khuổi Bây A, xã Khánh Long, có đất trồng lúa nước còn lại, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm (LUK, BHK, CLN) 1789,4 m^2, Đất rừng sản xuất 168358 m^2, đất ở tại nông thôn 193 m^2, (có danh sách thửa đất kèm theo), đất ở tại nông thôn sạt lở không ở được, đã di rời sang thửa đất số 2, đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ số 66 ở tạm, đất LUK, BHK, CLN và thửa đất đang ở tạm không nằm trong quy hoạch sử dụng đất ở.

3. Kiến nghị, đề xuất

Ủy ban nhân dân xã Khánh Long báo cáo các hộ chưa có đất ở, đề nghị phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng LĐTBXH xem xét điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để cho các hộ có đất ở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất

Trên đây là báo cáo về việc hộ gia đình, cá nhân chưa có đất ở của Ủy ban nhân dân xã Khánh Long,/.

TM, ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ KHÁNH LONG H.TRÀNG ĐỊNH T.LẠNG SƠN

Triệu Tiến Quang

Nơi nhận:
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng LĐTBXH-DT;
- Lưu: VP.

Thống kê các thửa đất của hộ gia đình cá nhân thiếu đất ở, nhà ở

TT	Họ và tên	Địa chỉ	TBĐ	Tỷ lệ	Số thửa	MDSD	DT m^2	Thời hạn sử dụng	Số vào sổ	Năm cấp
1	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	15	BHK	110	Đến ngày 01/07/2064	CH00006	2017
2	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	14	BHK	39,8	Đến ngày 01/07/2064	CH00006	2017
3	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	13	BHK	88,4	Đến ngày 01/07/2064	CH00005	2017
4	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	12	BHK	35,2	Đến ngày 01/07/2064	CH00005	2017
5	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	11	BHK	120,7	Đến ngày 01/07/2064	CH00005	2017
6	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	10	BHK	158,7	Đến ngày 01/07/2064	CH00005	2017
7	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	9	BHK	68,9	Đến ngày 01/07/2064	CH00005	2017
8	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	8	BHK	203,5	Đến ngày 01/07/2064	CH00005	2017
9	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	7	BHK	100,6	Đến ngày 01/07/2064	CH00004	2017
10	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	6	BHK	156,6	Đến ngày 01/07/2064	CH00004	2017
11	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	5	BHK	112,9	Đến ngày 01/07/2064	CH00004	2017
12	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	3	BHK	273,6	Đến ngày 01/07/2064	CH00004	2017
13	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	2	BHK	109,3	Đến ngày 01/07/2064	CH00004	2017
14	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	51	1000	1	BHK	62,4	Đến ngày 01/07/2064	CH00004	2017
15	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	21	1000	1	LUK	432,2	Xã đoàn kết		
16	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	21	1000	2	LUK	164,2	Xã đoàn kết		
17	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	21	1000	3	LUK	140,8	Xã đoàn kết		
							2377,8			
18	Lý Thị Luyến	Khuổi Bây A	1	10000	242	RXS	**103412**	Đến ngày 02/11/2059	CH00126	2009
19	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	68	1000	22	LUK	154.9	Đến ngày 01/07/2064	CH00037	2017
20	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	68	1000	21	LUK	99.9	Đến ngày 01/07/2064	CH00037	2017
21	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	68	1000	20	LUK	154.7	Đến ngày 01/07/2064	CH00036	2017
22	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	68	1000	13	LUK	61.9	Đến ngày 01/07/2064	CH00036	2017
23	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	68	1000	12	LUK	229.3	Đến ngày 01/07/2064	CH00036	2017
24	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	68	1000	4	LUK	475.9	Đến ngày 01/07/2064	CH00036	2017
25	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	66	1000	23	BHK	82.1	Đến ngày 01/07/2064	CH00036	2017
26	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	66	1000	21	CLN	478.1	Đến ngày 01/07/2064	CH00037	2017
27	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	66	1000	7	BHK	52.6	Đến ngày 01/07/2064	CH00036	2017
							1789,4			
28	Triệu Văn U	Khuổi Bây B	66	1000	20	ONT	**193,0**	Lâu dài	CH00035	2017
29	Triệu Văn Bình	Khuổi Bây B	2	10000	8	RSX	54159	Chưa cấp GCN		
30	Triệu Văn Bình	Khuổi Bây B	2	10000	32	RSX	114226	Chưa cấp GCN		
							168385			